TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 5 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Hồng Dưỡng

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Tuyết M , sinh năm 1963. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn M , sinh năm 1956. (vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp Bá Huê, xã Tân Duyệt, huyện Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/3/2022, trong qúa trình giải quyết nguyên đơn bà Lê Tuyết M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà M chung sống với ông M vào năm 1980, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong gia đình do ông M thương xuyên uống rượu và hành hung bà, mâu thuẫn vợ chồng đã được thân tộc hai bên hòa giải nhiều lần nhưng ông M không khắc phục dẫn đến bà với ông M ly thân 02 năm nay, không ai có trách nhiệm với ai. Nay, bà M xác định không thể chung sống cùng ông M được nữa nên yêu cầu được ly hôn với ông M

Về con chung: Có 03 con chung đã trưởng thành và không bị hạn chế khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Lê Tuyết M xác định không có.

- *Đối với bị đơn ông Phạm Văn M:* Trong quá trình Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông M theo quy định pháp luật, nhưng ông M không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Vào ngày 20/5/2022 bà M có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Ông M đã được Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng ông M vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M.

[2] *Về hôn nhân*: Bà M chung sống với ông M vào năm 1980, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn và đến nay ông bà chưa đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, theo điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 quy định nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ trước ngày 03 tháng 01 năm 1987 thì được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp.

Bà M yêu cầu ly hôn ông M với các nguyên nhân sau: Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong gia đình do ông M thương xuyên uống rượu và hành hung bà. Đối với ông M , Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập hợp lệ ông M để tham gia hòa giải nhưng ông M vắng mặt không tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có ý kiến đối với yêu cầu của bà M . Ngoài ra, vợ chồng ông bà đã ly thân 02 năm nay và cũng không chung sống cùng nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm ai, nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau…".* Viện dẫn theo điều luật quy định trên thấy rằng, tình trạng hôn nhân giữa bà M với ông M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M về việc ly hôn với ông M .

[3] Về con chung: Có 03 con chung đã trưởng thành và không bị hạn chế khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ: Bà Lê Tuyết M xác định không có.

[6] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Tuyết M.

1. Về hôn nhân: Cho bà Lê Tuyết M ly hôn với ông Phạm Văn M.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Tuyết M phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình bà M đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0012228 ngày 29/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; bà M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Bà Lê Tuyết M và ông Phạm Văn M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Duyệt;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Giang Nam